

Số: /TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**  
(lấy ý kiến)

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2023 của Chính phủ, theo đó, giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng Nghị định quy định chi tiết việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 3725/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2023 thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định với đại diện của các Bộ, ngành có liên quan, Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam và đã xây dựng các dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đến nay dự thảo Nghị định đã hoàn thành, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin kính trình Chính phủ như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Luật Tài nguyên nước 28/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2023, thay thế Luật Tài nguyên nước năm 2012. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 với nhiều nội dung mới liên quan đến bốn nhóm chính sách (Bảo đảm an ninh nguồn nước; xã hội hóa ngành nước; kinh tế tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra). Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết 20 nội dung, tuy nhiên để bảo đảm cho công tác tổ chức thực hiện, cụ thể gồm: Theo nội dung của Luật, có 13 điều Quốc hội trực tiếp giao cho Chính phủ quy định chi tiết, cụ thể như sau

- Khoản 9 Điều 7: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia);

- Khoản 5 Điều 9: Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này và quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước tại khoản 4 Điều này (Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước);

- Khoản 6 Điều 10: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước);
- Khoản 5 Điều 17: Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; quy định danh mục lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch;
- Khoản 6 Điều 19: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh);
- Khoản 9 Điều 23: Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định việc xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; quy định nguồn nước phải cấm mốc giới hành lang bảo vệ và việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước (Hành lang bảo vệ nguồn nước);
- Khoản 4 Điều 30: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Ngưỡng khai thác nước dưới đất);
- Khoản 9 Điều 31: Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 và khoản 5 Điều này; việc khoan định, công bố, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (Bảo vệ nước dưới đất);
- Khoản 8 Điều 35: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Điều hòa, phân phối tài nguyên nước);
- Khoản 3 Điều 37: Chính phủ quy định chi tiết Điều này; trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (Chuyển nước lưu vực sông);
- Khoản 10 Điều 38: Chính phủ quy định chi tiết khoản 4, điểm a khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều này (Quy trình vận hành đập, hồ chứa, liên hồ chứa);
- Khoản 3 Điều 51: Chính phủ quy định đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước và lộ trình thực hiện;
- Khoản 9 Điều 52: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Quy định chung về việc kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước);
- Khoản 5 Điều 53: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Thẩm quyền, trình tự, thủ tục kê khai, đăng ký, cấp phép); quy định trình tự, thủ tục kê khai việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất;
- Khoản 10 Điều 63: Chính phủ quy định chi tiết khoản 6 Điều này (Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo);
- Khoản 6 Điều 66: Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này (Phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ);
- Khoản 6 Điều 69: Chính phủ quy định chi tiết việc nộp, miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

- Khoản 3 Điều 70: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Dịch vụ về tài nguyên nước);

- Khoản 5 Điều 71: Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình thực hiện việc hạch toán tài nguyên nước (Hạch toán tài nguyên nước);

- Khoản 5 Điều 81: Chính phủ quy định chi tiết việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; quy định tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.

Vì các nội dung giao Chính phủ hướng dẫn tại nghị định này chủ yếu liên quan về thủ tục hành chính, điều kiện năng lực, dịch vụ tài nguyên nước, các nội dung điều chỉnh rộng, đa dạng, phức tạp và liên quan đến tổ chức, cá nhân, đặc biệt là việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho tổ chức, cá nhân, vì vậy các quy định về hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (khoản 3 Điều 31; khoản 9 Điều 52; khoản 5 Điều 53; khoản 6 Điều 69 Luật tài nguyên nước) được quy định ở nghị định này, các nội dung khác giao Chính phủ hướng dẫn sẽ quy định ở Nghị định hướng dẫn chi tiết một số điều luật tài nguyên nước.

Luật Tài nguyên nước 2012 được Quốc hội khóa XIII thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Trong đó đã quy định các nội dung liên quan về hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Để hướng dẫn thi hành Luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 201) và được sửa đổi thay thế tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023, trong đó có hướng dẫn chi tiết các quy định về về lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và công khai thông tin trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước; đăng ký, cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước; thăm dò, khai thác nước dưới đất. Ngoài ra, Bộ đã chủ trì xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2021. Bộ cũng đã chủ trì xây dựng và ban hành Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 07 năm 2014 về quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất và được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 05 năm 2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước (được thay thế tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023).

Sau nhiều năm tổ chức triển khai thực hiện Luật tài nguyên nước, các Nghị định và Thông tư nêu trên đã đạt được một số kết quả trong công tác quản lý tài nguyên nước, đặc biệt là đã nâng cao ý thức trách nhiệm trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước của các tổ chức, cá nhân; công tác quản lý

nhà nước về tài nguyên nước tiếp tục được tăng cường hiệu lực, hiệu quả, thể hiện trên các mặt chủ yếu như sau:

- Công tác cấp phép về tài nguyên nước được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Hiện nay, đã có khoảng hơn **25.000** công trình khai thác, sử dụng nước đã được quản lý từ Trung ương đến địa phương thông qua việc cấp phép. Trong đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp **1.787** giấy phép tài nguyên nước cho các tổ chức và cá nhân (*113 giấy phép hành nghề khoan thăm dò khai thác nước dưới đất; 843 giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước biển; 149 giấy phép thăm dò nước dưới đất; 277 giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất và 405 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước*). Qua công tác thẩm định các dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên nước, tính từ năm 2012, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thu gần 16 tỷ đồng nộp về ngân sách nhà nước. Ở địa phương, theo số liệu báo cáo tại 54 tỉnh, thành phố đã cấp 23.794 Giấy phép tài nguyên nước cho các tổ chức và cá nhân (*577 giấy phép hành nghề khoan thăm dò khai thác nước dưới đất; 1.890 giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước biển; 1.968 giấy phép thăm dò nước dưới đất; 9.439 giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất và 9.920 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước*).

- Tài chính về tài nguyên nước: Chính phủ đã ban hành quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Quá trình thực hiện cho thấy quy định đã đi vào cuộc sống, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và làm thay đổi nhận thức đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo hướng sử dụng tiết kiệm hơn. Tính đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt được 995 quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền gần 12.860 tỷ đồng; trong đó số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2023 là 1.351 tỷ đồng. Theo số liệu các Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của các tỉnh, thành phố gửi về Trung ương theo dõi, tính đến ngày 30/11/2023, các tỉnh đã phê duyệt được tổng số tiền trên 625 tỷ đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực thi bộc lộ nhiều bất cập do chưa có quy định để tổ chức thực hiện và do còn tồn tại hạn chế trong việc thực thi nhất là ở các địa phương nên đã nhiều nội dung mới đã được sửa đổi bổ sung trong Luật tài nguyên nước số 28/2023/QH15 và cần có Nghị định hướng dẫn để bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn và giải quyết những vấn đề bất cập, bảo đảm tổng thể, toàn diện và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, bảo đảm phù hợp với thực tế, nâng cao hơn nữa hiệu quả hiệu lực, tháo gỡ khó khăn cho các Bộ, ngành, địa phương và nhất là các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định, cụ thể:

***(1) Đơn giản hoá thủ tục hành chính (kê khai, đăng ký, cấp phép), giảm các yêu cầu về biểu mẫu báo cáo và thời gian thẩm định hồ sơ cấp phép***

- Ngay từ Luật Tài nguyên nước 2012 tại Điều 44 đã quy định các trường hợp phải cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trong đó bao gồm cả

các công trình thủy lợi khai thác nước cấp cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, đa số công trình thủy lợi thuộc diện phải cấp phép (gồm 6.695 công trình hồ chứa, đập dâng, hàng chục nghìn đập dâng, cống, trạm bơm và loại hình công trình khai thác khác) đã vận hành trước ngày Luật Tài nguyên nước năm 2012 có hiệu lực thi hành và hồ sơ tài liệu thiết kế của nhiều công trình bị thất lạc và không đầy đủ theo quy định. Do đó, không có tài liệu làm căn cứ để lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, dẫn tới tình trạng phần lớn các công trình thủy lợi này chưa được quản lý và cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước theo quy định.

Để tạo điều kiện đơn giản hóa, giảm tải thủ tục hành chính cho đơn vị quản lý vận hành các công trình thủy lợi nêu trên thực thi quy định pháp luật về tài nguyên nước về khai thác sử dụng nguồn nước, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngoại trừ các trường hợp không phải kê khai, đăng lý, cấp phép, đã quy định các trường hợp (trong đó có công trình thủy lợi) thuộc hình thức đăng ký khai thác, sử dụng nước mà trước đó các đối tượng này thuộc trường hợp phải có giấy phép, cụ thể, gồm: hồ chứa, đập dâng và các công trình khai thác nước cho mục đích nông nghiệp, khai thác nước biên phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản trên đất liền... Theo đó, trong dự thảo Nghị định này tiếp tục kế thừa các quy định cụ thể các trường hợp phải đăng ký gồm: khai thác, sử dụng nước mặt cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng khai thác từ 0,1 m<sup>3</sup>/s đến 0,5 m<sup>3</sup>/s; Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m<sup>3</sup> đến 0,2 triệu m<sup>3</sup>. Theo đó có khoảng hơn 2.000 hồ chứa thủy lợi trước đó thuộc trường hợp phải xin phép thì nay chỉ thực hiện thủ tục đăng ký khai thác nước mặt.

Ngoài ra, qua thực tế triển khai còn nhiều trường hợp cần phải được bổ sung để quản lý theo hình thức đơn giản hóa như *kê khai (khai thác sử dụng nước dưới đất phục vụ sinh hoạt trong hộ gia đình)*; các trường hợp đăng ký *(như các công trình khai thác nước dưới đất phục vụ một số mục đích có quy mô nhỏ; công trình đập ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch chỉ có mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan; các trường hợp sử dụng mặt nước và đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch...)*

Việc bổ sung quy định kê khai, đăng ký đối với các trường hợp nêu trên, sẽ tạo điều kiện thuận lợi rất lớn các hộ gia đình (khoảng 13 triệu hộ dân), tổ chức, cá nhân (đặc biệt là các công trình thủy lợi) trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay vì phải lập hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định của Nghị định này chỉ thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký, việc kê khai hoặc đăng ký sẽ không làm mất nhiều thời gian, kinh phí của hộ gia đình, tổ chức, cá nhân khi thực hiện. Riêng đối với thủ tục kê khai theo quy định của nghị này các hộ gia đình chỉ việc thực hiện kê khai trên ứng dụng điện tử nên rất thuận tiện trong việc kê khai.

Ngoài ra, việc kê khai hoặc đăng ký khai thác sử dụng nước không làm phát sinh nguồn lực, tài chính cho cơ quan thực thi mà thay vào đó là giảm tải khối lượng và mức độ phức tạp của công việc, giảm thiểu nguồn lực cho các cơ quan thực thi công việc trước đó, vì trước đó có nhiều công trình đều thuộc diện phải cấp phép và thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (qua Sở Tài nguyên và

Môi trường tổ chức thẩm định) thì nay vẫn được giao thẩm quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận việc đăng ký để thuận tiện trong công tác quản lý và phù hợp với chủ trương của Chính phủ trong đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền cho địa phương đặc biệt là Sở Tài nguyên và Môi trường. Ngoài ra, để có cơ sở áp dụng thực thi, ngoài bổ sung quy định về kê khai, đăng ký và phân cấp thẩm quyền đăng ký khai thác, sử dụng nước thì cần thiết phải bổ sung các quy định về mẫu kê khai, đăng ký, mẫu xác nhận việc đăng ký hoặc mẫu báo cáo đối với các công trình thủy lợi nêu trên theo hướng đơn giản hóa về nội dung, yêu cầu đảm bảo phù hợp với năng lực cán bộ công tác của các đơn vị quản lý vận hành các công trình thủy lợi đã vận hành.

- Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP của về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2021-2025, theo đó Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và trình Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tập trung chủ yếu vào thủ tục hành chính (TTHC), Bộ đã đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa 153/178 TTHC, chiếm 85% số lượng TTHC lĩnh vực TN&MT, trong đó lĩnh vực tài nguyên nước cắt giảm, đơn giản hóa 27/32 TTHC (chiếm 84,3%), vì vậy để phù hợp với chủ trương của Chính phủ trong đơn giản hóa thủ tục hành chính, cần thiết sửa đổi các quy định về quy trình, thủ tục, thời gian thẩm định đối với công tác cấp giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước. Theo đó, dự thảo Nghị định sẽ giảm số ngày thẩm định hồ sơ 0 với luật tài nguyên nước 2012 từ 45 ngày xuống còn 36 ngày đối với thủ tục cấp mới giấy phép và 40 ngày xuống còn 31 ngày đối với thủ tục điều chỉnh, gia hạn và 20 ngày giảm xuống còn 16 ngày đối với thủ tục cấp lại giấy phép. Ngoài việc giảm số ngày thẩm định hồ sơ thì giảm số lượng bộ hồ sơ nộp cho cơ quan tiếp nhận từ 02 bộ hồ sơ còn 01 bộ hồ sơ.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định cũng ban hành kèm theo các biểu mẫu liên quan về kê khai, đăng ký, cấp phép về tài nguyên nước để đảm bảo tính thống nhất. Đồng thời, các mẫu đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, tạm dừng hiệu lực giấy phép tài nguyên nước cũng được quy định theo hướng đơn giản, đặc biệt là đối với các công trình khai thác nước để cấp cho nông nghiệp và các công trình khai thác nước với quy mô nhỏ để tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

## ***(2) Về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước***

Để triển khai hiệu quả các quy định về việc thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, vừa bảo đảm khuyến khích tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ được nguồn nước, vừa bảo đảm được an sinh xã hội và bổ sung nguồn lực cho một số hoạt động bảo vệ nguồn nước, ngày 17/7/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2021.

Sau bảy năm triển khai thực hiện quy định về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước tiếp tục được tăng

cường hiệu lực, hiệu quả; đã nâng cao ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả. Theo số liệu thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì tính đến ngày 30/11/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt được 681 quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền gần 10.200 tỷ đồng; theo số liệu báo cáo của các tỉnh, thành phố tính đến ngày 30/11/2023, các tỉnh đã phê duyệt được tổng số tiền trên 400 tỷ đồng. Tính riêng trong năm 2019, theo số liệu của Tổng cục Thuế, số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thu được trên cả nước là hơn 1.653 tỷ đồng, trong đó giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp thu được 1.497 tỷ đồng, giấy phép do địa phương cấp thu được 156 tỷ đồng.

Tuy nhiên, quá trình thực thi đã phát sinh những vướng mắc đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và cần quy định cụ thể đảm bảo trong quá trình thực thi như: căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; thời điểm áp dụng giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; các trường hợp điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; quy định về thời điểm áp dụng giá tính tiền đối với trường hợp truy thu tiền; trình tự, thủ tục thực hiện truy thu, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...đặc biệt là bổ sung một số trường hợp thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mà trước đó Luật tài nguyên nước 2012 chưa quy định như sinh hoạt, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy điện tích năng, đồng thời quy định sản lượng tính tiền cấp quyền đối với các trường hợp trên; quy định cụ thể một số trường hợp được miễn tiền cấp quyền khai thác nước (trong đó có khai thác nước để cấp cho sinh hoạt của người dân khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn); quy định về giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (cắt, giảm lượng nước khai thác hoặc tạm dừng có thời hạn hiệu lực của giấy phép; Khai thác, sử dụng tuần hoàn, tái sử dụng nước; Khai thác nước cho sản xuất nông nghiệp trong thời gian xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn...)

### ***(3) Dịch vụ về tài nguyên nước***

Luật Tài nguyên nước 2012 không quy định về dịch vụ tài nguyên nước, tuy nhiên Luật Tài nguyên nước 28/2023/QH15 đã bổ sung quy định mới về dịch vụ về tài nguyên nước, theo đó Nghị định này đã quy định cụ thể về điều kiện năng lực của tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung cấp dịch vụ về tài nguyên nước; Điều kiện đối với tổ chức cung cấp dịch vụ cung cấp dịch vụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước; dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa cũng như trách nhiệm của các tổ chức nêu trên đảm bảo trong quá trình thực thi.

Để bảo đảm Luật tài nguyên nước được triển khai thi hành ngay sau khi có hiệu lực, việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định chi tiết chi tiết việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là hết sức cần thiết.

## **II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Quá trình xây dựng Nghị định bảo đảm các quan điểm và nguyên tắc sau đây:

1. Chỉ quy định chi tiết những điều, khoản mà Luật đã giao cho Chính phủ. Bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất với pháp luật về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Kế thừa, giữ lại những quy định còn phù hợp, khắc phục những nội dung chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định pháp luật khác có liên quan và những vấn đề vướng mắc phát sinh, tồn tại trong thực tiễn khi áp dụng các quy định của Luật tài nguyên nước 2012.

3. Đối với các quy định về thủ tục hành chính trong nội dung Nghị định bảo đảm tính rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu và minh bạch. Đơn giản hoá thủ tục hành chính; giảm các yêu cầu về biểu mẫu báo cáo, số lượng, thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian thẩm định và linh hoạt phương thức nộp hồ sơ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước giữa bộ, ngành và địa phương, gắn phân cấp, phân quyền với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, phân quyền.

4. Quy định cụ thể các trường hợp đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, khả thi, thuận lợi cho các ngành, các cấp, các cơ quan, các lực lượng và đặc biệt là các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng nước trong thực thi quy định pháp luật về tài nguyên nước, đồng thời nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả của các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tháo gỡ khó khăn cho tổ chức, cá nhân.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Ngay sau khi Luật tài nguyên nước được Quốc hội khóa XV thông qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo đơn vị chức năng tập trung nghiên cứu các nội dung có liên quan cần quy định chi tiết trong nội dung của Luật và triển khai xây dựng Dự thảo Nghị định. Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện các công việc sau đây:

1. Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định để triển khai nghiên cứu các nội dung có liên quan và xây dựng Dự thảo Nghị định, cụ thể: Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số .../QĐ-BTNMT ngày ..tháng ... năm 2023 phê duyệt Chương trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Theo đó, Bộ đã thành lập Ban Soạn thảo và Tổ Biên tập Nghị định quy định chi tiết việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tại Quyết định số 3725/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2023 với đại diện của các cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).



2. Nghiên cứu, rà soát cụ thể nội dung của các điều, khoản mà Luật tài nguyên nước đã giao Chính phủ quy định chi tiết để triển khai thi hành Luật; đồng thời, rà soát quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước 2012 đang được thực thi, gồm: Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết một số điều Luật tài nguyên nước 2012; Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày ngày 17 tháng 7 năm 2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2021; Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 07 năm 2014 về quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất và được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022...

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát các văn bản pháp luật có liên quan, xây dựng Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Trên cơ sở đó, Bộ đã tổ chức xây dựng dự thảo. Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã họp để thảo luận, góp ý để chỉnh lý, hoàn thiện sau mỗi phiên họp.

4. Ngày ..., dự thảo (lần 2) của Nghị định đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định (Công văn số .../BTNMT-TNN). Dự thảo (lần 2) của Nghị định cũng được Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Công văn số .../BTNMT-TNN ngày ...).

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành dự thảo (lần 3) Nghị định.

5. Ngày ..., Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số .../BTNMT-TNN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định (lần 3) để hoàn thiện, trình Chính phủ.

6. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định (lần 4), trình Chính phủ xem xét ban hành.

#### **IV. KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định bao gồm 04 chương với **63 điều**, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 2).
- Chương II: Kế khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước (từ Điều 3 đến Điều 28).
- Chương III: Hành nghề khoan nước dưới đất và dịch vụ về tài nguyên nước (từ Điều 29 đến Điều 43).
- Chương IV: Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (từ Điều 44 đến Điều 61).
- Chương V: Điều khoản thi hành (từ Điều 62 đến Điều 63).

##### **1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định**

Nghị định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 31, khoản 9 Điều 52, khoản 5 Điều 53, khoản 6 Điều 69 và khoản 3 Điều 70 Luật Tài nguyên nước về việc cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trình tự, thủ tục kê khai việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng hiệu lực của giấy phép, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất; thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng hiệu lực của giấy phép, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, đăng ký, kê khai khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất; dịch vụ tài nguyên nước; việc nộp, miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

## **2. Kết cấu và nội dung cơ bản của Nghị định**

Dự thảo Nghị định được kết cấu gồm 05 chương, 63 điều, cụ thể như sau:

### *a) Chương I Những quy định chung (gồm 02 điều, từ Điều 1 đến Điều 2)*

Chương này quy định những nội dung về phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2).

### *b) Chương II Kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước (gồm 25 điều, từ Điều 3 đến Điều 28)*

Chương này quy định những nội dung về: Lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan về tác động của công trình khai thác tài nguyên nước (Điều 3); Công khai thông tin (Điều 4); Thăm dò nước dưới đất (Điều 5); Nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất, khai thác tài nguyên nước (Điều 6); Các trường hợp công trình khai thác tài nguyên nước; sử dụng mặt nước; đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch không phải kê khai, đăng ký, không phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước (Điều 7); Các trường hợp công trình khai thác nguồn nước phải kê khai, đăng ký, phải có giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước (Điều 8); Gia hạn giấy phép (Điều 9); Điều chỉnh giấy phép (Điều 10); Đình chỉ hiệu lực của giấy phép (Điều 11); Thu hồi giấy phép (Điều 12); Trả lại giấy phép, chấm dứt, tạm dừng hiệu lực của giấy phép (Điều 13); Cấp lại giấy phép (Điều 14); Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng hiệu lực của giấy phép, đình chỉ, thu hồi giấy phép tài nguyên nước (Điều 15); Cơ quan tiếp nhận và thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép (Điều 16); Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất (Điều 17); Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (Điều 18); Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (Điều 19); Hồ sơ cấp lại giấy phép tài nguyên nước (Điều 20); Hồ sơ đề nghị tạm dừng hiệu lực, trả lại giấy phép khai thác tài nguyên nước (Điều 21); Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 22); Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước (Điều 23); Trình tự, thủ tục tạm dừng hiệu lực giấy phép, chấp thuận trả lại, giấy phép khai thác tài nguyên nước (Điều 24); Trình tự, thủ tục đăng ký, kê khai

khai thác nước dưới đất (Điều 25); Trình tự, thủ tục xác nhận, điều chỉnh, thu hồi, chấp thuận trả lại giấy đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch (Điều 26); Trình tự, thủ tục đình chỉ giấy phép về tài nguyên nước (Điều 27); Trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép về tài nguyên nước (Điều 28).

*c) Chương III Hành nghề khoan nước dưới đất và dịch vụ về tài nguyên nước (gồm 14 điều, từ Điều 29 đến Điều 43)*

Chương này quy định những nội dung về: Quy mô hành nghề khoan nước dưới đất (Điều 29); Điều kiện để được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Điều 30); Thời hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Điều 31); Gia hạn giấy phép (Điều 32); Điều chỉnh nội dung giấy phép (Điều 33); Đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép (Điều 34); Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Điều 35); Trình tự, thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép (Điều 36); Cấp lại giấy phép (Điều 37); Quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép (Điều 38); Trách nhiệm thực hiện (Điều 39); Điều kiện chung đối với tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung cấp dịch vụ về tài nguyên nước (Điều 40); Điều kiện đối với tổ chức cung cấp dịch vụ cung cấp dịch vụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước (Điều 41); Dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa (Điều 42); Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ cung cấp dịch vụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước; dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa (Điều 43).

*d) Chương IV: Tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước (gồm 18 Điều, từ Điều 44 đến Điều 61).*

Chương này quy định những nội dung về: Trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 44); Trường hợp không phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 45); Căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 46); Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (M) (Điều 47); Công thức tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 48); Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác (Điều 49); Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (G) (Điều 50); Hệ số điều chỉnh (K) (Điều 51); Thẩm quyền phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 52); Trình tự, thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 53); Miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 54); Giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 55); Điều chỉnh, truy thu, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 56); Thời hạn ra thông báo và nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 57); Phương thức thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 58); Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 59); Trách nhiệm của các cơ quan trong công tác tính, thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 60); Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 61).

*đ) Chương V Điều khoản thi hành (gồm 2 Điều, từ Điều 62 đến Điều 63).*

Chương này quy định những nội dung về: Điều khoản chuyển tiếp (Điều 62); Điều khoản thi hành (Điều 63).

Ngoài ra có 04 phụ lục của dự thảo Nghị định gồm: Phụ lục 1 về mẫu đơn, giấy phép, đăng ký, kê khai và nội dung đề án trong hồ sơ cấp phép tài nguyên nước, tạm dừng việc khai thác tài nguyên nước; Phụ lục 2 về mẫu hành nghề khoan nước dưới đất; Phụ lục 3 về mẫu kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Phụ lục 4 mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

## **V. VỀ BẢO ĐẢM NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí bảo đảm thực hiện Nghị định do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện Nghị định không làm phát sinh chi chí về nguồn nhân lực, tài chính so với việc thực hiện Luật Tài nguyên nước do vẫn thực hiện các công việc theo quy định của Luật Tài nguyên nước. Việc sử dụng kinh phí cho công tác thi hành pháp luật về tài nguyên nước đúng mục đích, nội dung, chế độ và định mức chi theo quy định của pháp luật về các chế độ chi tiêu tài chính.

## **VI. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

Ngày ..., Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số .../BTNMT-TNN gửi các Bộ, ngành có liên quan, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan đề nghị góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định. Đồng thời, Bộ cũng đã có Công văn số .../BTNMT-TNN ngày ... gửi Cổng thông tin điện tử của Chính phủ về việc đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến.

Ngày ..., Cổng thông tin điện tử của Chính phủ có Công văn số .../TTĐT-DLĐT, theo đó không nhận được sự đóng góp ý kiến của công dân, tổ chức đối với dự thảo Nghị định.

Về các ý kiến góp ý, đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được ý kiến góp ý bằng văn bản của .../... Bộ, ngành; .../63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; .../11 ý kiến của các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và .../... doanh nghiệp. Trên cơ sở các nội dung góp ý cho thấy về cơ bản các ý kiến góp ý đều thống nhất với hồ sơ Dự thảo Nghị định, đồng thời có ý kiến góp ý bổ sung để hoàn thiện, các ý kiến góp ý tập trung vào ... nội dung như sau:

...

## **VII. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

Ngày ..., Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số .../BTNMT-TNN gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đến Bộ Tư pháp thẩm định. Ngày ..., Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội đồng thẩm định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị gồm: Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính... Ngày ..., Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định tại Báo cáo số .../BCTĐ-BTP.

Về cơ bản, Bộ Tư pháp đồng ý với sự cần thiết ban hành, bố cục và nội dung dự thảo Nghị định. Những ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa trực tiếp vào dự thảo Nghị định (*chi tiết tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước*).

### **VIII. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

Tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương cho thấy, về cơ bản các ý kiến thống nhất với phạm vi điều chỉnh, bố cục và những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, còn một số nội dung quy định còn có những ý kiến trái chiều, vì vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến của Chính phủ đối với việc bổ sung một số nội dung sau:

...

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định./.

*(Hồ sơ gửi kèm theo gồm: dự thảo Tờ trình; dự thảo Nghị định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức có liên quan; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính; Bản sao ý kiến của các bộ, các địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan)./.*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- PTTg CP Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, TNN.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đặng Quốc Khánh**